

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIỄN CHÂU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31/03/2025

Về việc: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Danh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Thế Anh và bà Lê Thị Hòa

Thư ký ghi biên bản phiên toà: bà Cao Thị Vân – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên toà:

Ông Đặng Hồng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự, thụ lý số: 03/2025/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 về: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐST - HNGĐ ngày 13 tháng 03 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1994

Nơi cư trú: xóm C, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị **Trần Thị G**, sinh năm 1994

Nơi cư trú: xóm Y, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 12 năm 2024, được bổ sung tại các bản tự khai, nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày: anh và chị Trần Thị G kết hôn với nhau vào ngày 13/11/2013 có tổ chức báo hỷ theo phong tục địa phương, hôn nhân trên cơ sở tình yêu hoàn toàn tự nguyện, có đăng kí kết hôn tại UBND xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường, hạnh phúc đến năm 2017 do hoàn cảnh khó khăn vợ chồng thống

nhất đi xuất khẩu lao động Trung Quốc làm ăn kinh tế. Cuối năm 2018 chị G về Việt Nam còn anh vẫn ở lại Trung Quốc làm việc. Trong thời gian này, vợ chồng xa cách lâu dần tình cảm vợ chồng không còn tiếng nói chung, không quan tâm đến nhau, không liên lạc hay nói chuyện với nhau. Nay anh nhận thấy tình trạng hôn nhân của hai vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không thể hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị G để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Tài sản chung và nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại Bản tự khai đề ngày 13/02/2025, bị đơn chị Trần Thị G trình bày:* chị thống nhất các nội dung trình bày của anh Trần Văn T về điều kiện, thời gian đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn chung sống với nhau từ năm 2013 đến 2017, đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do hai vợ chồng đi làm ăn xa, khoảng cách địa lý và sự chênh lệch thời gian dẫn đến vợ chồng ít liên lạc và tình cảm phai nhạt dần. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T; về con chung: không có; về tài sản chung và nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Văn T và chị Trần Thị G đều có đơn đề nghị tòa án không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt do hiện nay anh chị đang đi làm ăn ở xa, điều kiện công việc, đi lại khó khăn nên không thể đến Tòa án làm việc nhiều lần, anh chị đề nghị Tòa án tiến hành các thủ tục để giải quyết vụ án theo quy định.

Phát biểu ý kiến tại phiên tòa, Kiểm sát viên đánh giá trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và hội đồng xét xử đã tiến hành đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; Tòa án mở phiên tòa đúng thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn, Bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án xét xử vắng mặt đối với **nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định tại điều 227, điều 228, điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.**

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Tòa án áp dụng các điều điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, giải quyết cho anh Trần Văn T được ly hôn chị Trần Thị G; về con chung: không có; về tài sản chung không yêu cầu giải quyết; án phí: anh Trần Văn T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Bị đơn chị Trần Thị G có đăng ký hộ khẩu tại xóm Y, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết, xác minh tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với chị Trần Thị G và tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Anh Trần Văn T đã thông báo đến chị G toàn bộ nội dung khởi kiện, chị G biết rõ và đã có bản tự khai trình bày rõ ý kiến của mình; anh Trần Văn T và chị Trần Thị G có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào các điều 70, điều 207, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1, 3 điều 228, điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để giải quyết và xét xử vắng mặt anh Trần Văn T và chị Trần Thị G.

[2]. Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng: Hôn nhân giữa anh Trần Văn T và chị Trần Thị G là hoàn toàn hợp pháp, việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau một thời gian ngắn chung sống hạnh phúc giữa anh T và chị G đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do khoảng cách địa lý, công việc dẫn đến bất đồng về quan điểm sống, tính cách dẫn đến tình cảm phai nhạt, vợ chồng đã không liên lạc với nhau. Quá trình làm việc tại Tòa án, anh T và chị G đều xác định hai bên không còn tình cảm gì với nhau nữa, hiện nay đã sống ly thân nhau, không có khả năng đoàn tụ với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Điều đó chứng tỏ rằng mối quan hệ giữa anh T và chị G đã thực sự rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt được, bởi vậy cần áp dụng khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết cho anh Trần Văn T được ly hôn với chị Trần Thị G.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Án phí: Anh Trần Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, các điều 35, 39, 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: anh Trần Văn T được ly hôn chị Trần Thị G.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung và nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Anh Trần Văn T phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, án phí của anh Trần Văn T được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Diễn Châu theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013256 ngày 02/1/2025.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Văn T và chị Trần Thị G vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;

- VKSND huyện Diễn Châu;

- Chi cục THA dân sự Diễn Châu;

- UBND xã Tam Hợp, H. Quỳnh Hợp

- Các đương sự;

- Lưu HS, lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Danh Hùng

